TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/DS-ST
Ngày: 18-8-2023
V/V "tranh chấp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Bé.
Ông Đinh Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 159/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023, về việc "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thụy Kim T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số G, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quí P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số G, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-4-2023 và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Thu N là nguyên đơn trình bày: Vào năm 2020, bà là chủ hụi, bà T là hụi hụi viên, bà T tham gia 02 dây hụi như sau:

Dây hụi 1: Ngày 20/4/2020 (AL), hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 25 phần hụi, có 25 hụi viên, hụi hoa hồng là 2.500.000 đồng, bà T tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 20/4/2020. Bà T hốt hụi kỳ thứ 4 (ngày 25/6/2020) với số tiền là 96.250.000 đồng. Bà T đóng hụi lại được 20 tháng hụi chết là 100.000.000 đồng, còn lại 01 kỳ hụi chết là 5.000.000 đồng.

Dây hụi 2: Ngày 29/01/2021 (AL), hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 25 phần hụi, có 25 hụi viên, hụi hoa hồng là 2.500.000 đồng, bà T tham gia 02 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 29/01/2021.

Phần hụi thứ nhất: Bà T hốt hụi vào kỳ thứ 02 (ngày 04/3/2021 AL) với số tiền là 87.945.000 đồng. Bà T đóng hụi lại được 11 tháng hụi chết là 55.000.000 đồng, còn lại 12 kỳ hụi chết là 60.000.000 đồng.

Phần hụi thứ hai: Bà T hốt hụi vào kỳ thứ 07 (ngày 04/9/2021 AL) với số tiền là 95.540.000 đồng. Bà T đóng hụi lại được 06 tháng hụi chết là 30.000.000 đồng, còn lại 12 kỳ hụi chết là 60.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 phần hụi của dây hụi thứ 2 là 120.000.000 đồng

Tổng cộng hai dây hụi bà T nợ bà là 125.000.000 đồng.

Các dây hụi đã mãn vào tháng 3 năm 2023.

Việc chơi hụi giữa bà và bà T thì ông P có biết và ông P có đóng 01-02 kỳ hụi chết cho bà.

Nay bà yêu cầu bà T và ông P phải liên đới trả cho bà số tiền vốn hụi là 125.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi bản án có hiệu lực.

Tại phiên toà bà N chỉ yêu cầu bà yêu cầu bà T và ông P phải liên đới trả cho bà số tiền vốn hụi là 115.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi bản án có hiệu lực.

Bà Võ Thụy Kim T là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà N về dây hụi, số tiền vốn hụi, số hụi viên, cũng như phần hụi bà đã tham gia và đóng hụi sống là đúng.

Đối với dây hụi thứ 2:

Phần hụi thứ nhất: Bà chỉ còn nợ lại bà N 11 kỳ hụi chết là 55.000.000 đồng.

Phần hụi thứ hai: Bà chỉ còn nợ lại bà N 11 kỳ hụi chết là 55.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 phần hụi của dây hụi thứ 2 là 110.000.000 đồng

Bà còn nợ lại bà N tổng cộng là 115.000.000 đồng, số nợ này chỉ có bà và bà N biết, ông P không biết gì trong vụ án này. Bà đồng ý trả cho bà N số tiền hụi trên trong thời gian 05 tháng, thời gian tính từ ngày 20/6/2023.

*Tại bản tường trình ngày 18/8/2023 ông P trình bày: "...*Ông không biết việc bà T chơi hụi, việc chơi hụi của bà T không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo ra bất cứ tài sản nào trong thời gian bà T chơi hụi. Khi bể hụi mọi người tìm đến nhà đòi nợ thì ông mới biết nên tự bà T chịu trách nhiệm, ông không đồng ý liên đới cùng với bà T trả tiền cho bà N…".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà N yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả tiền vốn hụi. Bà T thừa nhận số tiền vốn hụi bà còn nợ của bà N là đúng. Bà T, ông P là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông P có đóng tiền hụi cho bà N nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà T, ông P.

Tại phiên toà bà T nộp giấy hụi khui ngày 29/01/2021, bà N không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Thu N khởi kiện bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quí P về việc "tranh chấp hụi" được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông P xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà N yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho bà N tiền vốn hụi, tổng cộng là 125.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình đối với bà T, ông P. Bà N yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả vốn hụi tổng cộng là 115.000.000 đồng. Bà T thừa nhận có nợ bà N 02 dây hụi tổng cộng là 115.000.000 đồng. Đối với số nợ này chỉ có bà và bà N biết, ông P không biết gì trong vụ án này. Bà T đồng ý trả cho bà N số tiền hụi là 115.000.000 đồng trong thời gian 05 tháng nhưng bà N không đồng ý.

Xét thấy bà T, ông P là vợ chồng, việc các bên tham gia chơi hụi trong thời kỳ hôn nhân của bà T và diễn ra trong thời gian dài, ông P có đóng hụi cho bà N, nên có cơ sở buộc bà T, ông P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền vốn hụi trên theo quy định tại các điều 357, 288, 471 Bộ luật dân

sự năm 2015, các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T, ông P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 288, 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu N về việc "tranh chấp hụi" đối với bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quí P.

Buộc bà T, ông P phải liên đới trả cho bà N tiền vốn hụi là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N được nhận lại 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006852 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Bà T, ông P phải liên đới chịu 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí